

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2025

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y tế công cộng

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh : YTC

3. Địa chỉ các trụ sở: Số 1A, Đường Đức Thắng, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://huph.edu.vn/>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 024.6266.2342

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh:

Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <https://huph.edu.vn/sites/qldt/quy-dinh-ve-tuyen-sinh-he-dai-hoc-nam-2025-cua-truong-dh-y-te-cong-cong>

Địa chỉ công khai thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.huph.edu.vn/post/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2025>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

<https://huph.edu.vn/sites/dbcl/ba-cong-khai-truong-dai-hoc-y-te-cong-cong-nam-2025>

7.1. Ngành đào tạo, chương trình đào tạo:

Hiện trường đang triển khai đào tạo 7 ngành trình độ đại học, 5 ngành trình độ thạc sĩ, 2 ngành trình độ tiến sĩ và 2 chương trình chuyên khoa.

Năm 2025 Nhà trường tuyển sinh 6 ngành trình độ đại học hình thức chính quy: Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Khoa học dữ liệu.

Địa chỉ công khai ngành đào tạo đại học hình thức chính quy:

<https://huph.edu.vn/public/sites/dbcl/danh-muc-nganh-dao-cao-dai-hoc-cong-bo>

Địa chỉ công khai chương trình đào tạo đại học:

<https://huph.edu.vn/sites/qldt/c/dao-cao-dai-hoc>

7.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:

Hiện nay, Trường Đại học Y tế công cộng có 136 giảng viên toàn thời gian (trong đó có 61 giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên (trong đó có 4 GS, 26 PGS), 1 CKII, 63 giảng viên có trình độ thạc sĩ, còn lại là các giảng viên có trình độ đại học, bác sĩ, ...) thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; 09 cán bộ quản lý phòng/trung tâm và 54 nhân viên khối hành chính và hỗ trợ.

Địa chỉ công khai thông tin về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:
https://huph.edu.vn/upload/2025/04/08/II.%20Nhan%20su_1744081106.pdf

7.3. Cơ sở vật chất:

Trường Đại học Y tế công cộng được thành lập từ 26/4/2001 tại cơ sở 138 Giảng Võ. Từ năm 2016, Trường được tiếp nhận trụ sở tại số 1A, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm với cơ sở vật chất được xây dựng mới, trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho các chương trình đào tạo. Trường đã bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất như phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thư viện, phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi với đầy đủ trang thiết bị dạy và học để phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập và sinh hoạt của cán bộ, giảng viên và học viên, sinh viên.

Địa chỉ công khai thông tin về cơ sở vật chất:
https://huph.edu.vn/upload/2025/04/08/III.%20Co%20so%20vat%20chat_1744081121.pdf

7.4. Quy mô đào tạo, tỷ lệ sinh viên có việc làm

Quy mô đào tạo của các ngành và tỷ lệ sinh viên có việc làm xem chi tiết tại
https://huph.edu.vn/upload/2025/04/10/V.%20Tuyen%20sinh_1744255342.pdf

7.5. Kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo.

Năm 2025, Nhà trường tuyển sinh 6 ngành trình độ đại học gồm Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Khoa học dữ liệu. Trường tổ chức xét tuyển theo các phương thức tuyển sinh: xét tuyển thẳng, xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học, xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT, xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2025, Xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2025 (chỉ áp dụng với ngành khoa học dữ liệu).

Đối với tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học, Nhà trường tuyển sinh các ngành Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học bằng phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT.

Đối với tuyển sinh sau đại học, Trường Đại học Y tế công cộng hiện đang tuyển

sinh 5 ngành trình độ thạc sĩ, 2 ngành trình độ tiến sĩ và 2 chương trình chuyên khoa.

Thông tin chi tiết xem tại: <https://huph.edu.vn/sites/qltd/thong-bao-tuyen-sinh-cac-chuong-trinh-dao-tao-nam-2025>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của trường Đại học Y tế công cộng.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

Trường tổ chức xét tuyển với các phương thức tuyển sinh sau:

- Xét tuyển thẳng: 6 ngành gồm Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Khoa học dữ liệu.
- Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học: 6 ngành gồm Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Khoa học dữ liệu.
- Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025: 6 ngành gồm Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Khoa học dữ liệu.
- Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT: 4 ngành gồm Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội và Khoa học dữ liệu. Với thí sinh có quốc tịch Việt Nam tốt nghiệp THPT ở nước ngoài, việc xét tuyển áp dụng theo nguyên tắc tương tự như thí sinh người Việt Nam tốt nghiệp THPT tại Việt Nam. Kết quả học tập bậc THPT của thí sinh tốt nghiệp THPT tại nước ngoài chỉ được xét khi có thể quy đổi tương đương sang kết quả các môn học có trong tổ hợp xét tuyển và được công nhận bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp không thể quy đổi tương đương, việc xét tuyển sẽ được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2025: chỉ áp dụng cho ngành Khoa học dữ liệu.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Nhà trường sử dụng dữ liệu điểm thi tốt nghiệp THPT làm gốc để xây dựng quy tắc quy đổi tương đương. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh Nhà trường sẽ công bố vào ngày công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo (trước 17h ngày 23/7/2025).

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Địa chỉ đào tạo: Số 1A, Đường Đức Thắng, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bảng 1. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
1	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	220	Xét tuyển thẳng		
						Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học	B00: Toán - Hóa học - Sinh học B03: Toán - Sinh học - Ngữ Văn B08: Toán - Sinh học - Tiếng Anh C02: Toán - Ngữ văn - Hóa học D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh D13: Ngữ văn - Sinh học - Tiếng Anh	
						Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT		
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025		
2	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	150	Xét tuyển thẳng		
						Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học	B00: Toán - Hóa học - Sinh học B03: Toán - Sinh học - Ngữ Văn B08: Toán - Sinh học - Tiếng Anh C02: Toán - Ngữ văn - Hóa học D01: Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh D07: Toán - Hóa học - Tiếng Anh	
						Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT		
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
3	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	230	Xét tuyển thẳng		
						Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật Lý - Tiếng Anh B00: Toán - Hóa học - Sinh học B08: Toán - Sinh học - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh D07: Toán - Hóa học - Tiếng Anh	
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025		
4	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	160	Xét tuyển thẳng		
						Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh B00: Toán - Hóa học - Sinh học B08: Toán - Sinh học - Tiếng Anh C01: Toán - Vật lý - Ngữ văn D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh	
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
5	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	100	Xét tuyển thẳng		
						Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học		
						Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT	C00: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý C20: Ngữ văn - Địa lý - Giáo dục công dân D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh D14: Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh D15: Ngữ văn - Địa lý - Tiếng Anh D66: Ngữ văn - Giáo dục công dân - Tiếng Anh	
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025	X74: Ngữ văn - Địa lý - Giáo dục Kinh tế và pháp luật X78: Ngữ văn -Giáo dục Kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
6	7460108	Khoa học dữ liệu	7460108	Khoa học dữ liệu	50	Xét tuyển thẳng		
						Xét tuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia năm 2025		
						Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh B00: Toán - Hóa học - Sinh học D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh D07: Toán - Hóa học - Tiếng Anh X26: Toán - Tin học - Tiếng Anh	
						Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT		
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025		

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Mã trường: YTC
- Trường Đại học Y tế công cộng không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển cùng một ngành học.
- Trường Đại học Y tế công cộng không sử dụng các điều kiện miễn bài thi môn ngoại ngữ và điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia các năm trước.

5.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng phương thức xét tuyển sẽ được công bố theo kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo (trước 17h ngày 23/7/2025).

5.2. Tiêu chí xét tuyển

5.2.1. Phương thức xét tuyển thẳng: xem mục 7.2

5.2.2. Phương thức xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học

Điểm xét tuyển (1) = Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có)

Lưu ý: Điểm xét tuyển (1) sẽ được quy đổi tương đương theo điểm xét tuyển (4) của phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2025.

Trong đó:

- Điểm môn là điểm tổng kết thi cuối khóa của các môn bồi dưỡng dự bị đại học theo tổ hợp xét tuyển.
- Điểm ưu tiên là điểm cộng theo đối tượng và khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Trong trường hợp có nhiều thí sinh cùng thỏa mãn các tiêu chí xét tuyển trên và vượt quá chỉ tiêu của nhà trường, tiêu chí ưu tiên xét tuyển là:
 - + Ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn (trong đó nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).
 - + Ưu tiên thí sinh nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.
- Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

5.2.3. *Phương thức xét tuyển: Xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2025 chỉ áp dụng với ngành Khoa học dữ liệu*

Điểm xét tuyển (2) = (Tổng điểm thi đánh giá năng lực)*30/150 + Điểm ưu tiên (nếu có)

Lưu ý: Điểm xét tuyển (2) sẽ được quy đổi tương đương theo điểm xét tuyển (4) của phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2025.

Trong đó:

- Điểm ưu tiên là điểm cộng theo đối tượng và khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Trong trường hợp có nhiều thí sinh cùng thỏa mãn các tiêu chí xét tuyển trên và vượt quá chỉ tiêu của nhà trường, thứ tự các tiêu chí ưu tiên xét tuyển lần lượt như sau:
 - + Ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn (trong đó nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).
 - + Ưu tiên thí sinh nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.
 - + Xét điểm của phần thi Tư duy định lượng xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
 - + Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên xét tiếp điểm phần thi Khoa học từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

5.2.4. *Phương thức xét tuyển: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (trừ ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học và Kỹ thuật phục hồi chức năng)*

Điểm xét tuyển (3) = Điểm TB Môn 1 + Điểm TB Môn 2 + Điểm TB Môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có)

Lưu ý: Điểm xét tuyển (3) sẽ được quy đổi tương đương theo điểm xét tuyển (4) của phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2025.

Trong đó:

- Điểm TB môn là điểm trung bình của các môn trong tổ hợp xét tuyển trong 6 học kỳ của bậc THPT.

- Điểm ưu tiên là điểm cộng theo đối tượng và khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Trong trường hợp có nhiều thí sinh cùng thỏa mãn các tiêu chí xét tuyển trên và vượt quá chỉ tiêu của nhà trường, tiêu chí ưu tiên xét tuyển là:
 - + Ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn (trong đó nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).
 - + Ưu tiên thí sinh nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.
 - Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

5.2.5. Phương thức xét tuyển: Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2025

Điểm xét tuyển (4) = Điểm thi Môn 1 + Điểm thi Môn 2 + Điểm thi Môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

- Điểm ưu tiên là điểm cộng theo đối tượng và khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Trong trường hợp có nhiều thí sinh cùng thỏa mãn các tiêu chí xét tuyển trên và vượt quá chỉ tiêu của nhà trường, tiêu chí ưu tiên xét tuyển là:
 - + Ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn (trong đó nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).
 - + Ưu tiên thí sinh nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.
 - Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Đợt 1

6.1.1. Phương thức 1 xét tuyển thẳng:

- Ngành áp dụng: Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Khoa học dữ liệu.
- Cách thức đăng ký xét tuyển: thí sinh nộp hồ sơ về trường theo 1 trong 2 hình thức sau:
 - + Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

- + Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Y tế công cộng
- Thời hạn đăng ký xét tuyển tại trường Đại học Y tế công cộng: trước 17h ngày 30/6/2025 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian công bố kết quả đủ điều kiện trúng tuyển: chậm nhất là ngày 15/7/2025.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: từ ngày 16/7/2025 đến 17h ngày 28/7/2025 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: trước 17h ngày 22/8/2025.
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học tại trường: trước 17h00 ngày 30/8/2025.

6.1.2. Phương thức 2 xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học:

- Ngành áp dụng: Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Khoa học dữ liệu.
- Cách thức đăng ký xét tuyển: thí sinh nộp hồ sơ về trường theo 1 trong 2 hình thức sau:

+ Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Y tế công cộng

- Thời hạn đăng ký xét tuyển tại trường Đại học Y tế công cộng: trước 17h ngày 30/6/2025;
- Thời gian đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo: từ ngày 16/7/2025 đến 17h ngày 28/7/2025 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: trước 17h ngày 22/8/2025.
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học tại trường: trước 17h00 ngày 30/8/2025.

6.1.3. Phương thức 3 xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2025

- Ngành áp dụng: Khoa học dữ liệu
- Cách thức đăng ký xét tuyển: Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: từ ngày 16/7/2025 đến 17h ngày 28/7/2025 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: trước 17h ngày 22/8/2025.
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học tại trường: trước 17h00 ngày 30/8/2025.

6.1.4. Phương thức 4 xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT

- Ngành áp dụng: Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội và Khoa học dữ liệu
- Cách thức đăng ký xét tuyển: Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: từ ngày 16/7/2025 đến 17h ngày 28/7/2025 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: trước 17h ngày 22/8/2025.
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học tại trường: trước 17h00 ngày 30/8/2025.

6.1.5. Phương thức 5: xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025

- Ngành áp dụng: Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Khoa học dữ liệu.
- Cách thức đăng ký xét tuyển: Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: từ ngày 16/7/2025 đến 17h ngày 28/7/2025 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: trước 17h ngày 22/8/2025.
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học tại trường: trước 17h00 ngày 30/8/2025.

6.2. Đợt 2 (nếu còn chỉ tiêu)

- Ngành áp dụng: sẽ áp dụng đối với các ngành còn chỉ tiêu.
- Cách thức đăng ký xét tuyển: Thí sinh nộp hồ sơ về trường theo một trong ba hình thức sau:
 - + Đăng ký online tại: <http://tuyensinhdaihoc.huph.edu.vn/>
 - + Gửi hồ sơ qua đường bưu điện
 - + Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Y tế công cộng (thí sinh nộp hồ sơ vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần).

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: từ ngày 15/9/2025 đến 17h ngày 26/9/2025.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: dự kiến 30/9/2025.
- Thời gian xác nhận nhập học: dự kiến từ ngày 01/10/2025 đến 17h ngày 06/10/2025.

6.3. Đợt 3 (nếu còn chỉ tiêu)

- Ngành áp dụng: sẽ áp dụng đối với các ngành còn chỉ tiêu.
- Cách thức đăng ký xét tuyển: Thí sinh nộp hồ sơ về trường theo một trong ba hình thức sau:
 - + Đăng ký online tại: <http://tuyensinhdaihoc.huph.edu.vn/>
 - + Gửi hồ sơ qua đường bưu điện.
 - + Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Y tế công cộng (thí sinh nộp hồ sơ vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần).
- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: dự kiến từ ngày 22/10/2025 đến 17h ngày 28/10/2025.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: dự kiến 31/10/2025.
- Thời gian xác nhận nhập học: dự kiến từ ngày 01/11/2025 đến trước 17h ngày 07/11/2025.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Chính sách ưu tiên: Theo quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng giáo dục mầm non và các hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo.

7.1.1. Ưu tiên theo khu vực

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.
- Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng.
- Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:
 - + Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định.

+ Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ.

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

7.1.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định.

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

7.1.3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong mục 7.1 tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

7.1.4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại mục 7.1.1, 7.1.2}$$

7.2. Xét tuyển thẳng:

Hồ sơ xét tuyển: Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

Bảng 2. Đối tượng, ngành xét tuyển thẳng

STT	Đối tượng	Ngành xét tuyển thẳng
1	Đối với thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba, trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng .	<i>Ngành xét tuyển thẳng căn cứ vào hồ sơ của thí sinh đăng ký</i>
1.1	Toán học, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh	- Y tế công cộng - 7720701 - Kỹ thuật xét nghiệm y học- 7720601 - Dinh dưỡng - 7720401 - Công tác xã hội -7760101 - Kỹ thuật phục hồi chức năng- 7720603 - Khoa học dữ liệu - 7460108
1.2	Ngữ Văn	- Y tế công cộng - 7720701 - Dinh dưỡng - 7720401 - Công tác xã hội -7760101 - Kỹ thuật phục hồi chức năng- 7720603 - Khoa học dữ liệu - 7460108
1.3	Vật lý	- Kỹ thuật xét nghiệm y học - 7720601 - Kỹ thuật phục hồi chức năng - 7720603 - Khoa học dữ liệu - 7460108
1.4	Lịch sử	- Công tác xã hội -7760101
1.5	Địa lý	- Công tác xã hội -7760101
2	Các đối tượng còn lại dưới đây Hội đồng tuyển sinh ĐHYTCC sẽ căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh để xem xét, quyết định. Điều kiện thí	<i>Ngành xét tuyển thẳng căn cứ vào hồ sơ của thí sinh đăng ký</i>

STT	Đối tượng	Ngành xét tuyển thẳng
	sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức bao gồm:	
2.1	Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định.	Áp dụng tất cả các ngành
2.2	Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.	Áp dụng tất cả các ngành
2.3	Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ.	Áp dụng tất cả các ngành
2.4	Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Áp dụng tất cả các ngành
2.5	Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.	Áp dụng tất cả các ngành

8. Lệ phí xét tuyển

Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại,

bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Nhà trường cam kết hỗ trợ thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro và hỗ trợ giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

10.1. Thông tin về học phí

Bảng 3. Học phí dự kiến năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Học phí năm học 2025-2026 (đồng/năm)
I	Cử nhân chính quy Y tế công cộng	
1	CNCQ YTCC24-1A	27.140.000
II	Cử nhân chính quy Kỹ thuật xét nghiệm y học	
1	CNCQ KTXNYH12-1A	34.220.000
III	Cử nhân chính quy Dinh dưỡng	
1	CNCQDD9-1A	27.140.000
IV	Cử nhân chính quy Công tác xã hội	
1	CNCQCTXH9-1A	18.590.000
V	Cử nhân chính quy Kỹ thuật phục hồi chức năng	
1	CNCQKTPHCN6-1A	34.220.000
VI	Cử nhân chính quy Khoa học dữ liệu	
1	CNCQKHDL4	25.900.000
VII	Môn giáo dục quốc phòng	900.000đ/môn

Lưu ý: Tổng học phí năm học 2025-2026 của từng sinh viên sẽ phụ thuộc vào số tín chỉ sinh viên đăng ký trong năm học 2025-2026.

Lộ trình tăng học phí theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP và Nghị định 97/2023/NĐ-CP đối với năm học 2025-2026 và 2026-2027; các năm học tiếp theo cho đến hết khóa học do Nghị định chưa quy định nên áp dụng mức thu bằng năm học 2026-2027. Khi các cơ quan có thẩm quyền có thay đổi thì nhà trường sẽ điều chỉnh và thông báo cho người học.

10.2. Thông tin về tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 143.122.050.366 đồng

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 25.000.000 đồng/sinh viên/năm

10.3. Thông tin về chính sách học bổng

Nhà trường thực hiện chính sách học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên theo Quy định tại Nghị định 84/NĐ-CP ngày 17/7/2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục. Về đối tượng, mức học bổng, nguồn học bổng, trình tự xét, cấp học bổng được xét cụ thể theo Điều 8 của Nghị định này. Nhà trường xét học bổng khuyến khích học tập 2 lần/năm học cho sinh viên chương trình đào tạo cử nhân chính quy.

Các loại học bổng cho sinh viên cử nhân chính quy gồm: Học bổng Đồng hành cùng sinh viên (cấp cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, có thành tích trong học tập), được trích từ Quỹ học bổng Đồng hành cùng sinh viên của Trường. Đối tượng được xét cấp là sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập. Học bổng được trao 2 lần/năm học, giá trị 5 triệu đồng/suất học bổng. Ngoài ra, Nhà trường có các học bổng tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường dành cho các đối tượng sinh viên khác nhau. Tùy theo tiêu chí của từng loại học bổng, Nhà trường sẽ tiến hành xét và cấp phù hợp.

Chi tiết quy định học bổng, khen thưởng người học trường Đại học Y tế công cộng xem tại <https://huph.edu.vn/sites/cthssv/quy-dinh-hoc-bong-khen-thuong-nguoi-hoc-truong-dai-hoc-y-te-cong-cong>

10.4. Thông tin về miễn giảm học phí

Nhà trường thực hiện việc miễn giảm học phí cho sinh viên căn cứ theo Nghị định Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Nhà trường thực hiện theo quy trình sau: Người học cần chuẩn bị hồ sơ đề nghị miễn giảm học phí, bao gồm đơn xin miễn giảm, giấy tờ chứng minh đối tượng đủ điều kiện. Nộp hồ sơ tới bộ phận phụ trách miễn giảm học phí của trường theo quy định thời gian. Nhà trường thực hiện xét duyệt, thông báo kết quả cho sinh viên và cập nhật thông tin lên phần mềm quản lý.

Quy trình miễn giảm học phí xem chi tiết tại:
<https://huph.edu.vn/sites/cthssv/quy-trinh-mien-giam-hoc-phi>

10.5. Thông tin về ký túc xá

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; căn cứ Quyết định 1797/QĐ-ĐHYTECC ngày 14/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng về việc ban hành Quy chế quản lý người học nội trú, nhà trường thực hiện bố trí sinh viên vào ở ký túc xá theo thứ tự ưu tiên và quản lý sinh viên nội trú theo đúng quy định ban hành.

Quy trình đăng ký ký túc xá xem chi tiết tại: <https://huph.edu.vn/sites/cthssv/quy-trinh-quan-ly-sinh-vien-noi-ngoai-tru>

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Bảng 4. Điểm trúng tuyển năm 2023 và 2024

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023					Năm 2024				
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển xét theo*			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển xét theo*		
								Điểm thi TN THPT	Kết quả học tập bậc THPT	Kết quả thi ĐGNL của ĐHQG HN			Điểm thi TN THPT	Kết quả học tập bậc THPT	Kết quả thi ĐGNL của ĐHQG HN
1	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	- Xét tuyển thẳng - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT - Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT	120	98	19,50	25,00	-	120	123	20,40	26,00	-
2	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	- Xét tuyển thẳng - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT - Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT	215	172	20,00	27,50	-	215	186	20,15		-

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023					Năm 2024				
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển xét theo*			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển xét theo*		
								Điểm thi TN THPT	Kết quả học tập bậc THPT	Kết quả thi ĐGNL của ĐHQG HN			Điểm thi TN THPT	Kết quả học tập bậc THPT	Kết quả thi ĐGNL của ĐHQG HN
3	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	- Xét tuyển thẳng - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT - Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT	130	121	21,80	26,20	-	140	118	22,95	27,00	-
4	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	- Xét tuyển thẳng - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT - Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT	190	130	16,15	25,00	-	190	187	17,50	25,50	-
5	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	- Xét tuyển thẳng - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT - Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT	70	49	19,00	24,00	-	70	68	21,50	24,50	-

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023					Năm 2024				
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển xét theo*			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển xét theo*		
								Điểm thi TN THPT	Kết quả học tập bậc THPT	Kết quả thi ĐGNL của ĐHQG HN			Điểm thi TN THPT	Kết quả học tập bậc THPT	Kết quả thi ĐGNL của ĐHQG HN
6	7460108	Khoa học dữ liệu	7460108	Khoa học dữ liệu	- Xét tuyển thẳng - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT - Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT - Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của Đại học Quốc Gia Hà Nội	50	31	16,45	24,50	16,00	50	39	16,10	24,00	16,00

*Thang điểm xét: 30

Cán bộ tuyển sinh:
Dương Thị Tiên
Điện thoại: 036.999.1490
Email: dtt2@huph.edu.vn

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG

ĐẠI HỌC

Y TẾ

CÔNG CÔNG

Nguyễn Thanh Hà